

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 01/8/2024

*V/v: Tranh chấp về ly hôn;
về tài sản chung vợ chồng
khi ly hôn”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TH PHỐ BẮC NINH

*** Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lệ**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Bùi Quang Hợi**

Ông **Đỗ Văn Sơn**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tùng Lâm** - Thư ký tòa án

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Th phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Tuyết** - Kiểm sát viên

Vào các ngày 31 tháng 7 và 01 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Th phố Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 157/2024/DSST ngày 19/02/2024 về việc “*V/v: Tranh chấp về ly hôn, về tài sản chung vợ chồng khi ly hôn*” giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số nhà 945, Khu T, phường Khúc Xuyên, Th phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.

*** Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số nhà 945, Khu T, phường Khúc Xuyên, Th phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: số 147, Khu T, phường Khúc Xuyên, Th phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt

Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1952

Địa chỉ: Khu phố Hòa Bình, phường Khúc Xuyên, Th phố Bắc Ninh. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị P trình bày:**

Bà và ông Nguyễn Văn Th tự nguyện kết hôn năm 1996, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn tới cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Nhận thấy không còn tình cảm gì đối với ông Th nên bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông Th có 03 con chung là Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1997, Nguyễn Thị Huệ, sinh năm 2002, Nguyễn Thị Huyền, sinh ngày 7/4/2007. Con chung Nguyễn Thị Hoa và Nguyễn Thị Huệ đã trưởng Th, hoàn toàn khỏe mạnh nên bà không yêu cầu giải quyết việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung chưa

đủ 18 tuổi: Bà đề nghị được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thị Huyền, sinh ngày 07/04/2007. Không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Bà P xác định bà và ông Th có tài sản chung là thửa đất số 25 tờ bản đồ 06 tại khu T, phường Khúc Xuyên, Th phố Bắc Ninh, diện tích 72 m², đất ở sử dụng lâu dài do UBND Th phố Bắc Ninh cấp Giấy CNQSDĐ số CE 294060 ngày 26/9/2016 đứng tên Nguyễn Thị P và Nguyễn Văn Th và tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 2 tầng được xây dựng từ năm 2017.

Bà P trình bày, sau khi kết hôn do chưa có nhà ở nên bố mẹ chồng bà P mua cho vợ chồng bà thửa đất trên để vợ chồng ra ở riêng và nói bà có bao nhiêu tiền thì góp vào. Bà đã góp 02 chỉ vàng (giá trị thời điểm đó tương đương 1.000.000 đồng) và 200.000 đồng tiền mặt để cùng mua thửa đất trên. Đến năm 2017 khi xây dựng nhà mới, vợ chồng phải vay Ngân hàng 300.000.000 đồng (ông Th đã bán ruộng là tài sản riêng của mình được 250.000.000 đồng để trả khoản vay này, đến nay đã trả hết nợ). Ngoài ra bà có chơi “họ” để góp thêm cho ông Th 132.000.000 đồng và đưa 140.000.000 đồng tiền của mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị P cho hai vợ chồng xây nhà với điều kiện sau này phải lo cho bà P khi tuổi già, đau yếu và chôn cất bà khi chết. Sau đó bà có bỏ thêm 80.000.000 đồng để xây mái trên tầng 3 và làm lán ở dưới. Nay bà yêu cầu được sở hữu, quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất số 25 tờ bản đồ số 6 và tài sản trên đất, bà sẽ trích trả, thanh toán 1/2 giá trị đất và tài sản trên đất bằng tiền cho ông Th. Đối với các đồ dùng trong gia đình, không yêu cầu giải quyết.

Đối với việc ông Nguyễn Ngọc T cho rằng quyền sử dụng đất mà bà và ông Th đứng tên là do ông T bỏ tiền ra mua và nhờ ông Th đứng tên giùm, bà không đồng ý vì đây là tài sản chung của vợ chồng bà. Vì vậy bà và ông Th mới được cơ quan nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về số tiền mà mẹ ruột bà là bà Nguyễn Thị P đưa cho bà và ông Th để xây nhà vào năm 2017, bà không có tranh chấp gì.

+ Về nợ chung: Bà và ông Th không có nợ chung

*** Bị đơn, ông Nguyễn Văn Th trình bày:**

Ông và bà P tự nguyện kết hôn năm 1996, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn tới cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Nay bà P xin ly hôn, ông đồng ý.

+ Về con chung: Ông và bà P có 03 con chung là Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1997, Nguyễn Thị Huệ, sinh năm 2002, Nguyễn Thị Huyền, sinh ngày 7/4/2007. Con chung Nguyễn Thị Hoa và Nguyễn Thị Huệ đã trưởng Th, hoàn toàn khỏe mạnh nên ông cũng không yêu cầu giải quyết việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Nguyễn Thị Huyền chưa đủ 18 tuổi, ông không đồng ý giao cho bà P nuôi mà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Ông cũng không yêu cầu bà P phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Ông xác định diện tích nhà đất thuộc thửa số 25, tờ bản đồ 06, diện tích 72m² tại phường Khúc Xuyên, Th phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

được mua với giá 6.500.000 đồng theo Biên bản giao đất ở ngày 24/3/1997. Bà P đóng góp 02 chỉ vàng và 200.000 đồng tương đương 1.000.000 đồng vào tiền mua đất, còn lại là tiền của ông Nguyễn Ngọc T (anh trai ông) bỏ ra. Năm 1999, ông T có xây dựng cho ông và bà P căn nhà cấp 4 lợp proximăng để vợ chồng ra ở riêng. Đến năm 2017 thì vợ chồng ông phá dỡ căn nhà cũ, xây dựng căn nhà mới như hiện trạng bây giờ. Thời điểm đó do không đủ tiền xây nhà nên ông phải chuyển từ sổ đỏ sang sổ hồng để vay Ngân hàng số tiền 300.000.000 đồng, do vậy mới có tên bà P trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông khẳng định toàn bộ số tiền xây nhà sửa nhà là tiền của hai vợ chồng và anh chị em trong nhà cho vay (vợ chồng đã trả hết số tiền vay của người thân). Về tiền chơi họ như bà P trình bày là tiền chung của hai vợ chồng. Ông xác nhận mẹ đẻ bà P là bà Nguyễn Thị P có cho hai vợ chồng số tiền 140.000.000 đồng để xây nhà. Đối với số tiền nợ Ngân hàng, ông đã dùng 250.000.000 đồng tiền bán ruộng là tài sản riêng của mình để trả khoản vay này. Nay ông đồng ý chia nhà đất nói trên và có nguyện vọng muốn được nhận nhà đất và thanh toán cho bà P bằng tiền tương ứng với giá trị tài sản bà P được chia. Về mức chia cụ thể ông đề nghị tòa án xem xét quyết định theo quy định của pháp luật

+ Về nợ chung: Ông và bà P không có nợ chung

*** Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:**

- Ông Nguyễn Văn Trình bày: Cha mẹ ông Nguyễn Văn Sung sinh năm 1941 và bà Trần Thị Y sinh năm 1941 (đều đã chết) có năm người con (3 gái, 2 trai). Ông là con lớn, sau khi kết hôn đã mua đất và làm nhà ra ở riêng từ năm 1991. Đến năm 1996, do xã có bán đất nên ông Sung và bà Y làm đơn mua đất đứng tên ông Nguyễn Văn Sung để mua cho ông Th ra ở riêng. Thời điểm đó ông Sung ốm đau thường xuyên, bà Y làm nông không đủ thu nhập, thuộc diện nghèo nên không đủ tiền mua đất nên đã bảo ông là con trưởng cố mua cho ông Th. Vì thương em nên ông đã mua lô đất trên với giá 6.500.000 đồng. Ông xác nhận thời điểm đó ông bỏ ra 5.500.000 đồng, bà P đóng góp 2 chỉ vàng và 200.000 đồng tương đương với 1.000.000 đồng để đủ đóng tiền mua đất. Ngày 24/3/1997, UBND phường Khúc xuyên đã làm biên bản bàn giao thửa đất trên cho ông Nguyễn Đức Cảnh (tức là ông Nguyễn Văn Th). Năm 1999 ông đã xây nhà cấp 4 với diện tích 35 m² mái lợp pro xi măng cho vợ chồng ông Th ra ở riêng. Đến năm 2017 thì vợ chồng ông Th phá dỡ ngôi nhà cũ và xây mới như hiện trạng bây giờ. Quá trình làm nhà do thiếu tiền nên ông Th đã chuyển từ sổ đỏ sang sổ hồng mang tên ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị P để vay ngân hàng mà không hỏi ý kiến ông. Tuy nhiên, ông không có tranh chấp gì đối với tài sản này, ông chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến tỉ lệ công sức đóng góp của ông Th bà P trong khối tài sản chung này khi chia để chia cho ông Th 2/3 giá trị tài sản, chia cho bà P 1/3 giá trị tài sản tính theo giá trị nhà đất tại Biên bản định giá tài sản mà Hội đồng định giá Th phố Bắc Ninh đã định.

- **Bà Nguyễn Thị P trình bày:** Trước đây khi vợ chồng ông Th bà P xây nhà, bà có đưa cho ông Th bà P số tiền 140.000.000 đồng để vợ chồng ông Th bà P có thêm tiền xây nhà với điều kiện sau này bà già yếu phải phụng dưỡng, chăm sóc và lo ma chay khi bà mất. Nay ông Th bà P ly hôn bà không có tranh chấp gì về số tiền này trong vụ án này. Sau này nếu cần bà sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Phát biểu quan điểm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Th phố Bắc Ninh kết luận:

Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đã trực tiếp xác định các tình tiết của vụ án; xem xét, kiểm tra các tài liệu, chứng cứ đã thu thập một cách khách quan, toàn diện. Đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P. Bà P được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Huyền sinh năm 2007 cho bà P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà P về việc không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản của bà P. Xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, ông Th bà P tạo dựng được tài sản gồm: thửa đất số 25 tờ bản đồ 06, diện tích 72 m², đất ở sử dụng lâu dài do UBND Th phố Bắc Ninh cấp Giấy CNQSDĐ số CE 294060 ngày 26/9/2016 đứng tên Nguyễn Thị P và Nguyễn Văn Th và ngôi nhà cấp III loại 7, 02 tầng xây dựng năm 2017 và 01 mái vẩy lợp tôn thường. Nguồn gốc thửa đất là do vợ chồng bà P ông Th được bố mẹ chồng và bà P góp tiền mua năm 1996. Xét thấy, nguồn gốc thửa đất và công sức đóng góp vào khối tài sản chung thì cần chia cho ông Th phần nhiều hơn, đề nghị chia cho ông Th 55% giá trị tài sản, chia cho bà P 45% giá trị tài sản. Ông Th được nhận toàn bộ thửa đất số 25 tờ bản đồ số 6 và tài sản trên đất, có trách nhiệm trích trả thanh toán 45% giá trị nhà đất bằng tiền cho bà P.

- Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Tòa án đã chi xong chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ, nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu ½ chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật. Ông Th và bà P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1]. Về tố tụng:

** Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Bà Nguyễn Thị P có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân Th phố Bắc Ninh giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Văn Th và chia tài sản chung vợ chồng tại phường Khúc Xuyên, Th phố Bắc Ninh nên Tòa án xác định quan hệ

pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về ly hôn; về tài sản chung vợ chồng khi ly hôn*”. Các tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Th phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

2]. Về nội dung:

2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường Khúc Xuyên, Th phố Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 9/10/1996. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với lý do mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, bản thân không còn tình cảm gì với ông Th. Ông Th đồng ý ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không Th. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Bị đơn đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà P và ông Th đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị P

2.2]. Về con chung: Ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị P đều xác định ông bà có 03 con chung là Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1997, Nguyễn Thị Huệ, sinh năm 2002 và Nguyễn Thị Huyền, sinh ngày 7/4/2007.

Nguyên đơn, bị đơn đều xác định hai con chung là Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1997, Nguyễn Thị Huệ, sinh năm 2002 là người trên 18 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh nên không đề nghị tòa án giải quyết đến việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con đối với hai con chung này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với con chung Nguyễn Thị Huyền, sinh ngày 07/04/2007: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thị Huyền và không yêu cầu người kia cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy tại Bản tự khai, con chung Nguyễn Thị Huyền có nguyện vọng được ở với mẹ nên việc giao con chung cho bà P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của ông Th, bà P và với nguyện vọng của con chung, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P vẫn không yêu cầu ông Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là ý chí tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

Sau này, vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3]. Về tài sản tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị P yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng là nhà đất thuộc thửa số 25, tờ bản đồ 06, diện tích 72m² tại phường Khúc Xuyên, Th phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Bà đề nghị được sở hữu, quản lý, sử dụng toàn bộ nhà đất nói trên và sẽ thanh toán 1/2 giá trị nhà đất bằng tiền cho ông Th. Ông Nguyễn Văn Th có nguyện vọng được nhận nhà đất và thanh toán cho bà P giá trị tài sản bằng tiền.

Hội đồng xét xử xét:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị P xác định khi bà và ông Th kết hôn, do chưa có nhà ở nên mẹ đẻ bà là bà Nguyễn Thị P đã cho bà mua lại suất đất bà P được mua theo tiêu chuẩn. Giá trị lô đất khi mua là 6.500.000 đồng. Do không có tiền nên bố mẹ chồng bà bỏ tiền ra mua cho bà và ông Th để vợ chồng bà ra ở riêng và nói bà có bao nhiêu thì góp vào. Vì vậy bà đã đưa cho bố mẹ chồng 2 chỉ vàng 9999%, trị giá tại thời điểm đó là 500.000 đồng/chỉ và 200.000 đồng tiền mặt, tổng cộng là 1.200.000 đồng. Số còn lại là của bố mẹ chồng bà P cho vợ chồng bà. Sau đó, bố mẹ chồng bà đưa số tiền này cho ông Nguyễn Văn T, anh trai của ông Nguyễn Văn Th đi giao dịch giúp. Bà P khẳng định toàn bộ tiền mua lô đất thuộc thửa số 25, tờ bản đồ 06, diện tích 72m² là tiền của bố mẹ chồng cho hai vợ chồng và bà góp thêm.

Về số tiền xây nhà: Năm 2017 xây nhà, vợ chồng bà phải vay Ngân hàng 300.000.000 đồng (số tiền vay vợ chồng bà đã trả hết đã trả hết); bà chơi 4 dây họ được 132.000.000 đồng và mẹ đẻ bà là bà Nguyễn Thị P đưa cho vợ chồng bà 140.000.000 đồng. Sau đó, bà bỏ thêm 80.000.000 đồng để xây mái trên tầng 3 và làm lán ở dưới.

Số tiền trả ngân hàng là do khi nhà nước thu hồi đất ruộng, vợ chồng bà đã bán 1 sào 3 thước đất ruộng của ông Th được 250.000.000 đồng để trả nợ. Hiện ông Th chỉ còn 3 thước ruộng. Diện tích đất ruộng của bà thì còn.

Ông Nguyễn Văn Th cho rằng: Diện tích đất vợ chồng ông đang ở không phải do bố mẹ ông mua cho hai vợ chồng ông mà là do anh trai ông là ông Nguyễn Văn T mua cho ông. Khi anh trai ông mua, vợ chồng ông có đưa cho ông T 1.000.000 đồng. Sau đó ông T xây cho ông nhà cấp 4 lợp proxy măng để vợ chồng ông ra ở riêng. Do thời điểm đó, bố mẹ ông nghèo, không có tiền, anh trai ông đang ở riêng nên mua đất cho ông và để ông đứng tên (tại thời điểm đó, ông đứng tên chủ hộ là Nguyễn Đức Cảnh). Sau đó, năm 2017 vợ chồng ông phá dỡ nhà cũ và xây nhà mới. Quá trình xây dựng, để có thêm tiền xây nhà, theo hướng dẫn của ngân hàng, ông chuyển từ sổ đỏ sang sổ hồng để vay số tiền 300.000.000 đồng nên mới có tên bà P trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

Về số tiền xây nhà, ông khẳng định, toàn bộ số tiền bỏ ra xây nhà, sửa nhà đều là tiền của hai vợ chồng ông bỏ ra cộng thêm anh chị em trong nhà hỗ trợ bằng việc cho vay (vợ chồng ông đã trả hết số tiền vay của người thân). Nên việc bà P nói chơi họ một mình là không đúng. Việc chơi họ cũng là từ tiền của hai vợ

chồng, vì khi cưới nhau đến nay, ông đi làm chưa bao giờ giữ tiền mà đều mang về đưa cho bà P.

Mẹ vợ ông cho vợ chồng ông 140.000.000 đồng với điều kiện sau này vợ chồng ông lo cho bà khi tuổi già, đau yếu và chôn cất khi bà chết. Về lương tâm, trách nhiệm ông vẫn giữ đúng lời hứa với bà.

Về số tiền trả ngân hàng, vợ chồng ông đã bán 1 sào 3 thước đất ruộng của ông được 250.000.000 đồng để trả nợ. Hiện ông chỉ còn 3 thước ruộng, vợ ông vẫn còn nguyên.

Ông Nguyễn Văn Thì cho rằng thửa đất số 25, tờ bản đồ số 6 tại phường Khúc Xuyên, Th phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh có diện tích 72m² là tài sản ông nhận chuyển nhượng của người khác và nhờ em trai mình là ông Nguyễn Văn Th đứng tên giùm. Sau đó ông có xây một căn nhà cấp 4 lợp tôn cho vợ chồng ông Th bà P ở. Năm 2017 ông Th bà P đã phá dỡ nhà cũ xây lên căn nhà như hiện trạng. Lúc đầu, ông T đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Th bà P phải trả cho ông diện tích đất nói trên, ông sẽ thanh toán cho ông Th bà P giá trị tài sản trên đất theo giá đã định. Nhưng ông T không làm đơn yêu cầu độc lập, không cung cấp được bất cứ tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc ông nhận chuyển nhượng từ người khác và để ông Nguyễn Văn Th đứng tên giùm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án cũng đã giải thích, tạo điều kiện để ông Nguyễn Văn T có yêu cầu độc lập, tuy nhiên, ông Nguyễn Văn T cũng không làm đơn yêu cầu độc lập. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 31/7/2024, ông Nguyễn Văn T khẳng định ông không tranh chấp gì về số tiền, công sức ông bỏ ra để giúp ông Th bà P có được khối tài sản chung nói trên mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào lịch sử hình Th khối tài sản chung của ông Th bà P để xem xét, chia cho ông Th 2/3 tổng giá trị tài sản nhà đất tranh chấp, chia cho bà P 1/3 tổng giá trị tài sản nhà đất theo giá thị trường đã định. Ông không có ý kiến gì khác.

Hội đồng xét xử xét:

Ông Th, bà P đăng ký kết hôn ngày 9/10/1996. Ngày 24/3/1997, thi hành Quyết định số 1452 CT ngày 20/11/1996 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Bắc (cũ) về việc giao đất cho nhân dân thôn T, xã Khúc Xuyên, huyện Yên Phong; căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã Khúc Xuyên về việc thực hiện Quyết định số 1452CT của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Bắc và xét các tiêu chuẩn đối tượng giao đất, Ủy ban nhân dân xã Khúc Xuyên cùng thôn T đã tiến hành giao đất ở cho các hộ xã viên để làm nhà ở tại khu vực Trục đường 286. Theo đó, hộ ông Nguyễn Văn Th (ông Th xác nhận tại thời điểm giao đất do sai sót về giấy tờ nên ông Th còn có tên gọi khác là Nguyễn Đức Cảnh) được giao: Thửa đất số 14, có diện tích 72m², chiều sâu các cạnh sau khi đã trừ đi hành lang giao thông tính từ trục đường 286 là 14,5m² còn lại là 16m; Tứ cận: Cạnh Bắc giáp đường: Chiều rộng mặt đường là 4,5m. Cạnh Nam giáp ruộng cạnh tác của HTX T. Cạnh Tây giáp đất anh Trần Văn Ty (Thắng). Cạnh Đông giáp đất bà P (Tặng).

Ngày 26/9/2016 Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 294060, số vào sổ cấp GCN: CS00577 cho ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị P: Thừa đất số 25, tờ bản đồ số 6 phường Khúc Xuyên, Th phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh có diện tích 72m²; mục đích sử dụng: Đất ở đô thị; thời hạn sử dụng: Lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Nhận tặng cho đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Như vậy, ông Th bà P được xét cấp đất sau khi đã kết hôn; Tại Biên bản giao đất xây dựng nhà ở ngày 24/3/1997 của Ủy ban nhân dân xã Khúc Xuyên ghi nhận “Chủ hộ được giao đất” là ông Nguyễn Đức Cảnh (tên gọi khác của ông Nguyễn Văn Th).

Ông Th, bà P kết hôn năm 1996. Thừa đất trên do anh Th và chị P cùng sử dụng, quản lý và xây dựng nhà ở. Năm 2017, anh Th thống nhất làm thủ tục để nhà và đất cho chị P cùng đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ngày 26/9/2016 Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị P. Từ khi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất, ông Th và bà P và những người liên quan không có thắc mắc hay khiếu nại, khiếu kiện gì. Căn cứ Điều 33, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ xác định nhà đất thuộc thừa số 25, Tờ bản đồ số 6 phường Khúc Xuyên, Th phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh là tài sản chung vợ chồng của ông Th bà P, không phải do ông Nguyễn Văn Tmua của người khác và nhờ ông Th đứng tên giùm. Vì vậy, có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà P về việc chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn.

Đối với ông Nguyễn Văn T, dù xác định tài sản bà P đang tranh chấp là tài sản của ông nhận chuyển nhượng từ người khác và nhờ em trai là ông Nguyễn Văn Th đứng tên giùm nhưng ông không có đơn yêu cầu độc lập và không có tranh chấp gì. Bà Nguyễn Thị P cũng không tranh chấp và có yêu cầu gì về số tiền 140.000.000 đồng bà đưa cho vợ chồng ông Th bà P xây nhà nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

2.4]. Chia tài sản:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CE 294060, số vào sổ cấp GCN: CS00577 ngày 26/9/2016 và trích đo địa chính thửa đất ngày 14/3/2024 của Công ty cổ phần trắc địa và tài nguyên Việt Nam thì Nhà đất tọa lạc tại 945, khu T, phường Khúc Xuyên, Th phố Bắc Ninh thuộc thửa đất số 25, tờ bản đồ số 6 có tổng diện tích theo hiện trạng sử dụng là 95,9m²; bao gồm diện tích được nhà nước công nhận quyền sử dụng là 72 m² và diện tích không được công nhận quyền sử dụng là 23,9m². Do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét tính giá trị và chia theo quy định phần diện tích mà ông Th, bà P được nhà nước công nhận quyền sử dụng là 72 m².

Đối với phần diện tích đất dôi dư là 23,9m²: Theo Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Khúc Xuyên thì diện tích đất 23,9 m² mà ông Th bà P

đang quản lý sử dụng là lần chiếm hành lang giao thông và đất công nên không được xem xét tính giá trị để chia (trừ ra)

Giá trị tài sản cụ thể như sau:

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 14/3/2024 Hội đồng định giá tài sản Th phố Bắc Ninh xác định:

- Đất: Giá đất theo giá thị trường tại thời điểm định giá là: 32.000.000 đồng/m²

Giá trị đất: 32.000.000 đồng/m² x 72m² = **2.304.000.000** đồng [1]

- Nhà: Nhà cấp III loại 7, xây dựng năm 2017, chất lượng còn lại 72%; đơn giá 4.531.000 đồng/m²/sàn

Giá trị nhà: 4.531.000 đồng/m² x 197,5m² x 72% = **644.308.200** đồng [2]

- 01 máy vẩy lợp tôn thường, đã bao gồm bộ khung thép, cột trụ đỡ, không bao gồm tường bao che; chất lượng còn lại 30%; đơn giá 497.000 đồng/m².

Th tiền: 497.000 đồng/m² x 38m² x 30% = **5.665.800** đồng [3]

Tổng giá trị nhà, đất và tài sản gắn liền với đất:

[1] + [2] + [3] = **2.953.974.000** đồng [4]

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P có nguyện vọng được nhận nhà đất nói trên để có chỗ ở, nuôi con chung và sau này chăm sóc mẹ già yếu và thanh toán cho ông Th giá trị tài sản bằng tiền. Bà P xác định bà có khả năng về tài chính để thanh toán bằng tiền cho ông Th. Ông Th cũng có nguyện vọng được nhận nhà đất và thanh toán bằng tiền cho bà P. Do tài sản chung hình Th trong thời kỳ hôn nhân, phía ông Th có công sức đóng góp nhiều hơn bà P, con chung của ông Th bà P chưa đủ 18 tuổi được giao cho bà P trực tiếp nuôi. Để bảo vệ quyền lợi cho phụ nữ và trẻ em, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao nhà đất cho bà P sở hữu, quản lý, sử dụng là hợp lý. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao nhà đất thuộc thửa số 25, tờ bản đồ số 6 phường Khúc Xuyên, Th phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh cho bà P được sở hữu, quản lý, sử dụng và thanh toán lại giá trị tài sản bằng tiền cho ông Th.

Xét nguồn gốc thừa đất và công sức đóng góp vào khối tài sản chung của các bên, Hội đồng xét xử quyết định chia cho ông Th nhiều hơn bà P. Theo đó, ông Th được hưởng 60% giá trị tài sản, chia cho bà P 40% giá trị tài sản.

Do đó, bà P có trách nhiệm trích trả thanh toán 60% giá trị nhà đất bằng tiền cho ông Th. Cụ thể là:

2.953.974.000 đồng x 60% = 1.772.384.400 đồng (**Làm tròn số Th 772.384.000 đồng**) [5]

2.5]. Về nợ chung: Ông Th, bà P không yêu cầu giải quyết

2.6]. Về chi phí định giá tài sản và thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn, bị đơn mỗi người phải chịu ½ chi phí thẩm định, định giá tài sản.

Tổng chi phí định giá tài sản và thẩm định tại chỗ là 15.000.000 đồng

Nguyên đơn, bị đơn mỗi người phải chịu chi phí định giá tài sản và thẩm định tại chỗ là: 15.000.000 đồng x ½ = 7.500.000 đồng. Do bà P đã nộp 15.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và thẩm định tại chỗ nên ông Th phải hoàn lại cho bà P số tiền **7.500.000** đồng.

2.7]. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị P phải chịu **300.000** đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được chia là:

$$36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \times (1.181.589.600 - 800.000.000 \text{ đồng}) = 47.448.688 \text{ đồng (làm tròn số Th: 47.449.000 đồng)}$$

- Ông Nguyễn Văn Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được chia là:

$$36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \times (1.772.384.400 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng}) = 65.171.532 \text{ đồng (làm tròn số Th: 65.171.000 đồng)}$$

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 58; 59; 195; 232 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 29, 30, 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ Điều 463, 466 BLDS;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn ông Nguyễn Văn Th

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Huyền, sinh ngày 07/04/2007 cho bà P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Ông Th không cấp dưỡng nuôi con

Ông Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở

- Về tài sản chung:

+ Giao cho bà Nguyễn Thị P sở hữu, quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích nhà đất thuộc thửa số 25, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại 945 khu T, phường Khúc Xuyên, Th phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CE 294060, số vào sổ cấp GCN: CS00577 ngày 26/9/2016; có diện tích là 72m² (đo hiện trạng sử dụng là 95,9m²; bao gồm diện tích được nhà nước công nhận quyền sử dụng là 72 m² và

diện tích không được công nhận quyền sử dụng là 23,9m² lấn chiếm hành lang giao thông và đất công)

Bà P phải thanh toán cho ông Th giá trị tài sản được chia là: **1.772.384.000** đồng.

Bà P có nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật sau khi đã hoàn Th việc thanh toán giá trị tài sản cho ông Th và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định.

(Có Sơ đồ thửa đất kèm theo Bản án này)

2/. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị P mỗi người phải chịu chi phí định giá tài sản và thẩm định tại chỗ là: **7.500.000** đồng.

Ông Nguyễn Văn Th phải hoàn lại cho bà Nguyễn Thị P số tiền **7.500.000** đồng chi phí thẩm định, định giá tài sản.

3/. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị P phải nộp **300.000** đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được chia là **47.449.000 đồng**

Bà Nguyễn Thị P phải nộp tổng cộng: **47.749.000** đồng tiền án phí theo quy định; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí **39.300.000** đồng bà P đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/23, số: 0000632 ngày 19/2/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Th phố Bắc Ninh. Bà P còn phải nộp thêm **8.449.000** đồng tiền án phí sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được chia là **65.171.000 đồng**

4/. Về nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết

* Quy định: trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**

* Nơi nhận:

- VKSND Th phố Bắc Ninh
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Chi cục THADS Th phố Bắc Ninh;
- Dương sự;
- Lưu

Nguyễn Thị Lệ